

PHỤ LỤC 2: DỰ KIẾN THỰC ĐƠN, BẢNG GIÁ MỖI NGÀY TRONG 01 TUẦN
ÁP DỤNG TỪ 04/10/2025

THỨ/	SÁNG				TRƯA					CHIỀU					Thành tiền/ngày	GHI CHÚ	
	Tên món	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG			
2	Xôi chả giò dầm bông	Phân	235	15,000	1) Cơm	Gạo	kg	42	17,500	1) Cơm	Gạo	kg	42	17,500	12,482,000		
2					2) Bò xào	Thịt Bò đùi	kg	15	240,000	2) Thịt heo kho đậu khuôn	Thịt heo	kg	14	130,000			
2										Đậu khuôn	miếng	120	3,500				
2																	
2																	
2						3) Giá xào	Giá đậu	kg	14	13,000	3) Cải xào	Cải ngọt	kg	14	16,000		
2							Thịt xay	kg	1	130,000		Cải thìa	kg		16,000		
2												Cải thảo	kg		20,000		
2						4) Canh tạp tàng	Mướp	kg	3	17,000	4) Canh bí xanh	Bí xanh	kg	11	18,000		
2							Rau dền	kg	2	15,000		Thịt xay	kg	1	130,000		
2							Mồng tơi	kg	2	15,000							
2							PL Gia vị	túi	1	328,000		PL Gia vị	túi	1	328,000		
3	Bún rêu thịt	Tô	235	15,000	1) Cơm	Gạo	kg	42	17,500	1) Cơm	Gạo	kg	42	17,500	12,870,500		
3					2) Chả ram tôm	Chả ram	kg	17	130,000	2) Thịt heo kho trứng	Thịt heo	kg	14	130,000			
3										Trứng vịt	quả	120	3,500				
3		Sữa tươi	Hộp	235	7,500												
3						3) Cải xào	Cải thìa	kg	14	16,000	3) Dưa chua xào/	Dưa chua	kg	14	20,000		
3							Cải ngọt	kg		16,000	Cà xào	Cà tím	kg		18,000		
3							Cải thảo	kg		20,000		Cà trắng to	kg		18,000		
3						4) Canh cà chua trứng	Cà chua	kg	5	25,000	4) Canh bí đỏ	Bí đỏ	kg	11	18,000		
3							Đậu khuôn trắng	miếng	15	3,500		Đậu phụng	kg	0.5	45,000		
3							Trứng gà	quả	30	3,500							
3							PL Gia vị	túi	1	328,000		PL Gia vị	túi	1	328,000		
3																	
4	Bánh bao	Cái	235	15,000	1) Cơm	Gạo	kg	42	17,500	1) Cơm	Gạo	kg	42	17,500	12,458,000		
4					2) Tôm hấp/ tôm rim	Tôm to	kg	18	170,000	2) Thịt gà kho	Thịt gà	kg	32	85,000			
4																	
4																	
4																	
4		3) Cà xào	Cà tím/	kg	13	18,000	3) Su su xào	Su su	kg	11	14,000						
4			Cà trắng to	kg				Cà rốt	kg	3	20,000						
4			Thịt xay	kg	1	130,000											
4		4) Canh chua	Cà chua	kg	2	25,000	4) Canh bí xanh	Bí xanh	kg	11	18,000						
4			Giá đậu	kg	2	13,000		Thịt xay	kg	1	130,000						
4			Bạc hà	kg	3	15,000											
4			PL Gia vị	túi	1	328,000		PL Gia vị	túi	1	328,000						
5	Bánh mì thịt	Cái	235	15,000	1) Cơm	Gạo	kg	42	17,500	1) Cơm	Gạo	kg	42	17,500	11,686,500		
5					2) Chả lụa	Chả lụa	kg	16	140,000	2) Bò kho	Thịt bò nạm	kg	18	160,000			

[illegible]

THỨ/	SÁNG				TRƯA					CHIỀU					Thành tiền/ngày	GHI CHÚ
	Tên món	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG		
CN																
CN					3) Rau muống xào	Rau muống	kg	14	15,000	3) Măng/đậu ve xào	Măng	kg	14	25,000		
CN											Đậu ve	kg		25,000		
CN																
CN					4) Canh quả bầu	Quả bầu	kg	11	19,000	4) Canh cải thảo	Cải thảo	kg	8	20,000		
CN						Thịt xay	kg	1	130,000		Thịt xay	kg	1	130,000		
CN																
CN						PL Gia vị	túi	1	328,000		PL Gia vị	túi	1	328,000		
					Tổng cộng 1 tuần										82,616,500	
					Tổng cộng 1 ngày										11,802,357	

Lưu ý: Tính trung bình mỗi tuần ăn 3 bữa (tổng cộng trong PL2) không quá 83.216.000 đồng (11.888.000 đồng/ngày).

- PL Gia vị đối với 01 bữa ăn tính theo Phụ lục PL Gia vị kèm theo

Người lập

Lê Thị Hương Trang

Đuyệt của Lãnh đạo phụ trách



Ngô Thạch Anh